

2013/27

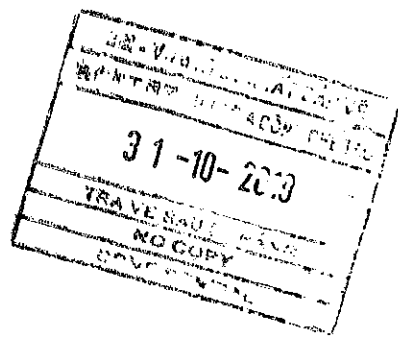
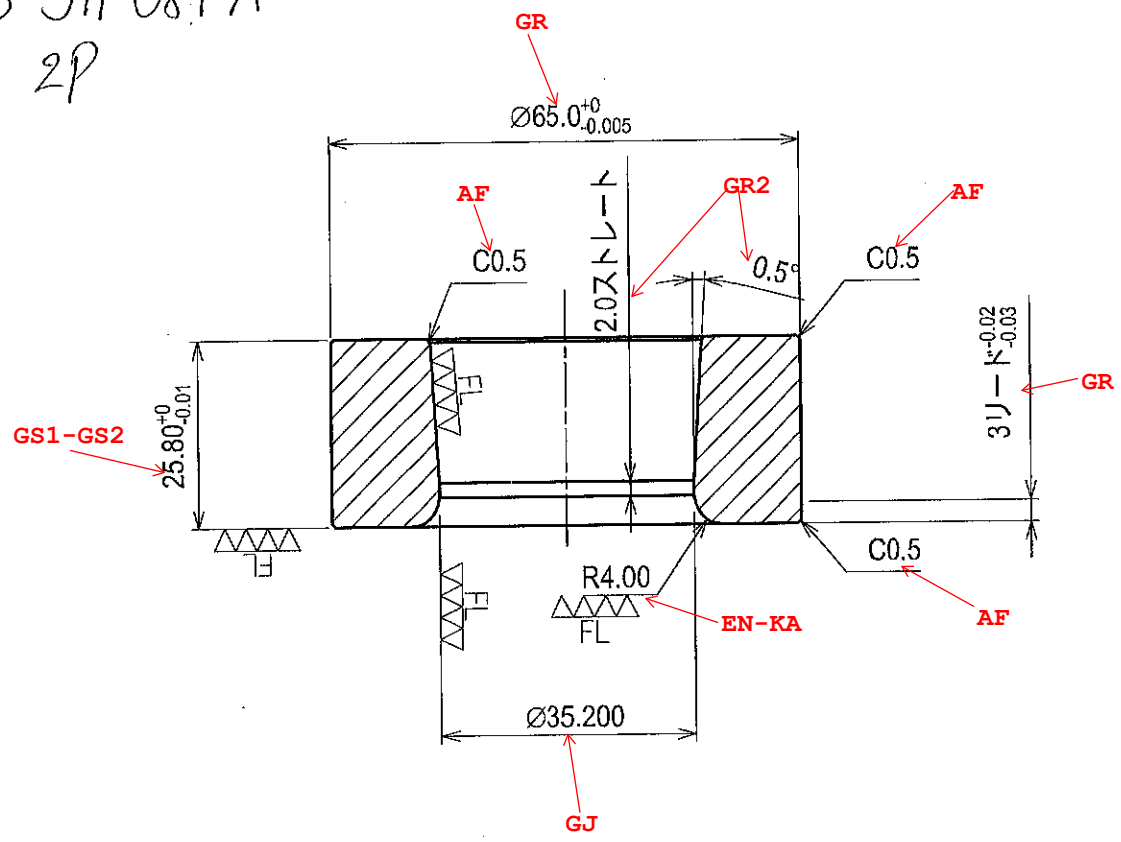
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2012/03/08			K.Hihara	Y.Takahashi	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0
						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01
						0.	±0.2	0.0 +0	-0
								0.0 -0	+0.1
									-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G FL ▽▽▽ (▽▽▽)									

213 910 133A

17

213 911 081 A

2P



213 19 11 002

- CO
- 350
- 300
- 200
- 300
- 600
- 1
- 180
- 120

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
K.Hihara	Y.Takahashi	部品図		上型ダイ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		UPPER-DIE SET DIE	
HRC		部品図		上模冲模	
		部品図		上模冲模	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2012/03/08	1:1		S856488	

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

6TP S856 488

(TLC = 0)

ANG KOG VHO BTP N199X0045

SNO: **S856488**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S856488	GS1:30 GR1:120 GJ:300 EN:250 KA: GS2:90 GR2:120 AF:30 KT